

Số: 2624 /TT-UBND

Gia Lai, ngày 22 tháng 11 năm 2019

TÒ TRÌNH

Về việc ban hành nghị quyết quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu và một số nội dung chi, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Số: 5735

Đến Ngày: 22/11/2019

Chuyển: Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ mươi một.

Lưu hồ sơ số:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Quyết định số 901/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính.

Căn cứ Thông tư số 28/2019/TT-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 434/TTr-STC ngày 13/11/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông (TTATGT) từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu và một số nội dung chi, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

I. Sự cần thiết

Tại điểm e, điểm g khoản 4 Điều 3; khoản 2 Điều 4; điểm c khoản 2 Điều 5 Thông tư số 01/2018/TT-BTC và khoản 2, khoản 3 Điều 1 Quyết định 901/QĐ-BTC ngày 13/06/2019 của Bộ Tài chính quy định:

“Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định: Nội dung chi bảo đảm TTATGT của quận huyện thành phố;

Chi thực hiện các nhiệm vụ khác trực tiếp công tác bảo đảm TTATGT;

Đối với nội dung chi chưa có mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, Chủ tịch Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Bộ trưởng Bộ Công an, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định áp dụng mức chi của các nhiệm vụ, nội dung chi có tính chất tương tự đã được cấp có thẩm quyền quy định, có hóa đơn, chứng từ hợp pháp, trong phạm vi dự toán được giao và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mức phân bổ kinh phí ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông cho lực lượng công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để thực hiện nhiệm vụ đảm bảo TTATGT trên địa bàn theo quy định tại điểm b, khoản 9, Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước và mức phân bổ cho các lực lượng khác của địa phương tham gia công tác bảo đảm TTATGT trên địa bàn theo quy định của cấp có thẩm quyền.”

Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XI - Kỳ họp thứ 11 ban hành nghị quyết quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu và một số nội dung chi, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm TTATGT trên địa bàn trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai là cần thiết.

II. Nội dung trình

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

a) Mức phân bổ kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông (sau đây viết tắt là TTATGT) do ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông;

b) Nội dung chi bảo đảm TTATGT cho các cơ quan, đơn vị cấp huyện và các Tổ tự quản An toàn giao thông cấp xã;

c) Nội dung, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm TTATGT trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

1.2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm TTATGT.

2. Mức phân bổ kinh phí

Mức phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông cụ thể như sau:

a) Phân bổ 70% cho lực lượng Công an tỉnh (bao gồm công an huyện, thị xã, thành phố; công an xã, phường, thị trấn) để thực hiện nhiệm vụ đảm bảo

TTATGT trên địa bàn tỉnh.

b) Phân bổ 30% cho các lực lượng khác của tỉnh tham gia công tác bảo đảm TTATGT trên địa bàn tỉnh, cụ thể: Ban An toàn giao thông tỉnh 10%; Sở Giao thông vận tải (*Thanh tra Giao thông vận tải*) 5%; Ban An toàn giao thông các huyện, thị xã, thành phố 15%.

3. Nội dung chi bảo đảm trật tự an toàn giao thông của Ban An toàn giao thông các huyện, thị xã, thành phố:

- 3.1. Chi tuyên truyền, phổ biến pháp luật TTATGT;
- 3.2. Chi hội nghị sơ kết, tổng kết, hội thảo, tập huấn triển khai nhiệm vụ, công tác bảo đảm TTATGT;
- 3.3. Chi tập huấn nghiệp vụ về TTATGT;
- 3.4. Chi tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ trực tiếp phục vụ công tác bảo đảm TTATGT theo quy định của pháp luật hiện hành;
- 3.5. Chi mua sắm trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho công tác bảo đảm TTATGT theo định mức, tiêu chuẩn, chế độ hiện hành;
- 3.6. Chi xăng dầu, sửa chữa trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho công tác bảo đảm TTATGT;
- 3.7. Chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác bảo đảm TTATGT theo quy định của pháp luật;
- 3.8. Chi thăm hỏi, hỗ trợ nạn nhân tai nạn giao thông, gia đình nạn nhân bị chết trong các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng; trong dịp Tết Nguyên đán; “Ngày thế giới tưởng niệm các nạn nhân tử vong do tai nạn giao thông”;
- 3.9. Chi xây dựng kế hoạch và biện pháp phối hợp các ban, ngành và chính quyền các cấp (bao gồm cả cấp xã) trong việc thực hiện các giải pháp bảo đảm TTATGT và khắc phục ùn tắc giao thông;
- 3.10. Chi xây dựng các chương trình, đề án về bảo đảm TTATGT, nhân rộng các mô hình điểm về bảo đảm TTATGT;
- 3.11. Chi hoạt động chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc phối hợp hoạt động của các ngành, tổ chức và các đoàn thể trong lĩnh vực bảo đảm TTATGT, khắc phục ùn tắc giao thông trên địa bàn, công tác cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hạn chế hậu quả do tai nạn giao thông gây ra;
- 3.12. Chi khắc phục sự cố đảm bảo ATGT, chống ùn tắc giao thông;
- 3.13. Chi vận hành số điện thoại đường dây nóng về TTATGT;
- 3.14. Chi xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông theo quy định hiện hành, bảo đảm không trùng lắp với nguồn kinh phí khác;
- 3.15. Chi thực hiện một số nhiệm vụ khác trực tiếp công tác bảo đảm trật tự ATGT theo quy định của pháp luật.

4. Nội dung chi, mức chi đặc thù bảo đảm trật tự an toàn giao thông

4.1. Chi hỗ trợ ban đầu cho người bị thương, hộ gia đình của người bị chết khi đang làm nhiệm vụ bảo đảm TTATGT

a) Người bị thương khi đang làm nhiệm vụ bảo đảm TTATGT, mức chi tối đa: 2.000.000 đồng/người. Căn cứ vào mức độ bị thương, bị tai nạn, thủ trưởng đơn vị được giao dự toán có trách nhiệm xem xét quyết định mức hỗ trợ cho phù hợp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

b) Hộ gia đình của người bị chết khi đang làm nhiệm vụ bảo đảm TTATGT, mức chi: 5.000.000 đồng/hộ.

4.2. Chi lương, phụ cấp và các khoản khác cho nhân viên hợp đồng lao động hỗ trợ, giúp việc trong bảo đảm TTATGT theo quy định hiện hành.

4.3. Chi hỗ trợ Tổ tự quản ATGT không hưởng lương từ ngân sách, mức chi mỗi thành viên tối đa: 1.000.000 đồng/người/tháng.

4.4. Chi hỗ trợ hoạt động kiểm tra, giám sát về công tác bảo đảm TTATGT; phối hợp các ban, ngành và chính quyền các cấp trong việc thực hiện các giải pháp bảo đảm TTATGT và khắc phục ùn tắc giao thông:

a) Đối với Ban An toàn giao thông cấp tỉnh: Trưởng ban và các Phó Trưởng ban, mức chi tối đa 1.000.000 đồng/tháng; các ủy viên Ban An toàn giao thông tỉnh, mức chi tối đa 700.000 đồng/tháng; công chức, nhân viên, người lao động tham mưu giúp việc cho Ban An toàn giao thông tỉnh, mức chi tối đa 500.000 đồng/tháng.

b) Đối với Ban An toàn giao thông huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện): Trưởng ban và các Phó Trưởng ban, mức chi tối đa 700.000 đồng/tháng; các ủy viên Ban An toàn giao thông cấp huyện, mức chi tối đa 500.000 đồng/tháng; công chức, nhân viên, người lao động tham mưu giúp việc cho Ban An toàn giao thông cấp huyện, mức chi tối đa 300.000 đồng/tháng.

c) Chi hỗ trợ theo dõi chuyên đề TTATGT 01 lãnh đạo phòng phụ trách và 02 cán bộ, chiến sỹ thuộc Phòng Tham mưu Công an tỉnh, mức chi tối đa 500.000 đồng/người/tháng.

d) Chi hỗ trợ 01 lãnh đạo hoặc chuyên viên đơn vị đầu mối (cấp phòng, ban) được phân công phụ trách công tác an toàn giao thông của các cơ quan thành viên Ban An toàn giao thông tỉnh, mức chi tối đa 500.000 đồng/người/tháng.

4.5. Chi xây dựng kế hoạch và biện pháp trong việc thực hiện các giải pháp bảo đảm TTATGT và khắc phục ùn tắc giao thông:

- Ban An toàn giao thông tỉnh: 01 triệu đồng/kế hoạch; 02 triệu đồng/chương trình, đề án; 02 triệu đồng/mô hình.

- Ban An toàn giao thông cấp huyện: 500.000 đồng/kế hoạch; 01 triệu đồng/chương trình, đề án; 01 triệu đồng/mô hình.

Căn cứ vào nguồn kinh phí và mức chi tối đa quy định tại mục (4), thủ trưởng đơn vị được giao dự toán có trách nhiệm xem xét quyết định mức chi cho

phù hợp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

(Có *dự thảo Nghị quyết kèm theo*).

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ
mười một xem xét, quyết định./.Mao

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc Hội tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

15. CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH

Danh
Đỗ Tiến Đông

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Số: 10/2019/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu và nội dung chi, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông;

Thực hiện Quyết định số 901/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông;

Căn cứ Thông tư số 28/2019/TT-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông;

Xét Tờ trình số 10/TTr-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu và một số nội dung chi, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Khóa XI, tại kỳ họp thứ 11.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định:

- a) Mức phân bổ kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông (*sau đây viết tắt là TTATGT*) do ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông;
- b) Nội dung chi bảo đảm TTATGT cho các cơ quan, đơn vị cấp huyện và các Tổ tự quản An toàn giao thông cấp xã;
- c) Nội dung, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm TTATGT trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm TTATGT.

Điều 2. Mức phân bổ kinh phí

Mức phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông cụ thể như sau:

- a) Phân bổ 70% cho lực lượng Công an tỉnh (bao gồm Công an huyện, thị xã, thành phố, Công an xã, phường, thị trấn) để thực hiện nhiệm vụ đảm bảo TTATGT trên địa bàn tỉnh.
- b) Phân bổ 30% cho các lực lượng khác của tỉnh tham gia công tác bảo đảm TTATGT trên địa bàn tỉnh, cụ thể: Ban An toàn giao thông tỉnh 10%; Sở Giao thông vận tải (*Thanh tra Giao thông vận tải*) 5%; Ban An toàn giao thông các huyện, thị xã, thành phố 15%.

Điều 3. Nội dung chi bảo đảm trật tự an toàn giao thông của Ban An toàn giao thông các huyện, thị xã, thành phố:

1. Chi tuyên truyền, phổ biến pháp luật TTATGT; ✓
2. Chi hội nghị sơ kết, tổng kết, hội thảo, tập huấn triển khai nhiệm vụ, công tác bảo đảm TTATGT; ✓
3. Chi tập huấn nghiệp vụ về TTATGT; ✓
4. Chi tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ trực tiếp phục vụ công tác bảo đảm TTATGT theo quy định của pháp luật hiện hành; ✓
5. Chi mua sắm trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho công tác bảo đảm TTATGT theo định mức, tiêu chuẩn, chế độ hiện hành; ✓
6. Chi xăng dầu, sửa chữa trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho công tác bảo đảm TTATGT; ✓

7. Chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác bảo đảm TTATGT theo quy định của pháp luật;

8. Chi thăm hỏi, hỗ trợ nạn nhân tai nạn giao thông, gia đình nạn nhân bị chết trong các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng; trong dịp Tết Nguyên đán; “Ngày thế giới tưởng niệm các nạn nhân tử vong do tai nạn giao thông”;

9. Chi xây dựng kế hoạch và biện pháp phối hợp các ban, ngành và chính quyền các cấp (bao gồm cả cấp xã) trong việc thực hiện các giải pháp bảo đảm TTATGT và khắc phục ùn tắc giao thông;

10. Chi xây dựng các chương trình, đề án về bảo đảm TTATGT, nhân rộng các mô hình điểm về bảo đảm TTATGT;

11. Chi hoạt động chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc phối hợp hoạt động của các ngành, tổ chức và các đoàn thể trong lĩnh vực bảo đảm TTATGT, khắc phục ùn tắc giao thông trên địa bàn, công tác cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hạn chế hậu quả do tai nạn giao thông gây ra;

12. Chi khắc phục sự cố đảm bảo ATGT, chống ùn tắc giao thông;

13. Chi vận hành số điện thoại đường dây nóng về TTATGT;

14. Chi xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông theo quy định hiện hành, bảo đảm không trùng lắp với nguồn kinh phí khác;

15. Chi thực hiện một số nhiệm vụ khác trực tiếp công tác bảo đảm trật tự ATGT theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nội dung chi, mức chi đặc thù bảo đảm trật tự an toàn giao thông

1. Chi hỗ trợ ban đầu cho người bị thương, hộ gia đình của người bị chết khi đang làm nhiệm vụ bảo đảm TTATGT:

a) Người bị thương khi đang làm nhiệm vụ bảo đảm TTATGT, mức chi tối đa: 2.000.000 đồng/người. Căn cứ vào mức độ bị thương, bị tai nạn Thủ trưởng đơn vị được giao dự toán có trách nhiệm xem xét quyết định mức hỗ trợ phù hợp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

b) Hộ gia đình của người bị chết khi đang làm nhiệm vụ bảo đảm TTATGT, mức chi: 5.000.000 đồng/hộ.

2. Chi lương, phụ cấp và các khoản khác cho nhân viên hợp đồng lao động hỗ trợ, giúp việc trong bảo đảm TTATGT theo quy định hiện hành.

3. Chi hỗ trợ thành viên Tổ tự quản an toàn giao thông ở xã phường, thị trấn không hưởng lương từ ngân sách, mức chi mỗi thành viên tối đa: 1.000.000 đồng/người/tháng.

4. Chi hỗ trợ hoạt động kiểm tra, giám sát về công tác bảo đảm TTATGT; phối hợp các ban, ngành và chính quyền các cấp trong việc thực hiện các giải pháp

bảo đảm TTATGT và khắc phục ùn tắc giao thông:

a) Đối với Ban An toàn giao thông cấp tỉnh: Trưởng ban và các Phó Trưởng ban, mức chi tối đa 1.000.000 đồng/tháng; các ủy viên Ban An toàn giao thông tỉnh, mức chi tối đa 700.000 đồng/tháng; công chức, nhân viên, người lao động tham mưu giúp việc cho Ban An toàn giao thông tỉnh, mức chi tối đa 500.000 đồng/tháng.

b) Đối với Ban An toàn giao thông huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện): Trưởng ban và các Phó Trưởng ban, mức chi tối đa 700.000 đồng/tháng; các ủy viên Ban An toàn giao thông cấp huyện, mức chi tối đa 500.000 đồng/tháng; công chức, nhân viên, người lao động tham mưu giúp việc cho Ban An toàn giao thông cấp huyện, mức chi tối đa 300.000 đồng/tháng.

c) Chi hỗ trợ theo dõi chuyên đề TTATGT 01 lãnh đạo phòng phụ trách và 02 cán bộ, chiến sỹ thuộc Phòng Tham mưu Công an tỉnh, mức chi tối đa 500.000 đồng/người/tháng.

d) Chi hỗ trợ 01 lãnh đạo hoặc chuyên viên đơn vị đầu mối (cấp phòng, ban) được phân công phụ trách công tác an toàn giao thông của các cơ quan thành viên Ban An toàn giao thông tỉnh, mức chi tối đa 500.000 đồng/người/tháng.

5. Chi xây dựng kế hoạch và biện pháp trong việc thực hiện các giải pháp bảo đảm TTATGT và khắc phục ùn tắc giao thông:

- Ban An toàn giao thông tỉnh: 01 triệu đồng/kế hoạch; 02 triệu đồng/chương trình, đề án; 02 triệu đồng/mô hình.

- Ban An toàn giao thông cấp huyện: 500.000 đồng/kế hoạch; 01 triệu đồng/chương trình, đề án; 01 triệu đồng/mô hình.

Căn cứ vào nguồn kinh phí và mức chi tối đa quy định tại Điều này, Thủ trưởng đơn vị được giao dự toán có trách nhiệm xem xét quyết định mức chi cho phù hợp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước bối trí từ nguồn chi các hoạt động kinh tế theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan và địa phương, theo đó:

a) Ngân sách cấp tỉnh bảo đảm kinh phí thực hiện các nội dung do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện;

b) Ngân sách cấp huyện bảo đảm kinh phí thực hiện các nội dung chi do các cơ quan, đơn vị cấp huyện thực hiện và Tổ tự quản An toàn giao thông cấp xã thực hiện.

2. Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh được phân bổ theo tỷ lệ quy định tại Điều 2 Nghị quyết này.

3. Các khoản hỗ trợ, viện trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước cho hoạt động đảm bảo trật tự ATGT.

4. Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XI, kỳ họp thứ Mười một thông qua ngày tháng năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2019./.

Noi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, HĐND, Đoàn ĐBQH, UBND tỉnh (đăng công báo);
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính, TN&MT;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PTTH tỉnh;
- CV Phòng TH;
- Lưu: VT-TH.

CHỦ TỊCH

Dương Văn Trang

Số: 1483/STP-XD&KTVB

V/v thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông và nội dung chi, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Gia Lai, ngày 08 tháng 11 năm 2019

Kính gửi: Sở Tài chính.

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 2665/STC-QLNS ngày 04/11/2019 của Sở Tài chính về việc thẩm định văn bản.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông và nội dung chi, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai (*sau đây viết là dự thảo văn bản*), các tài liệu gửi kèm theo Văn bản số 2665/STC-QLN và đối chiếu với quy định pháp luật liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo văn bản

Căn cứ điểm e, điểm g khoản 4 Điều 3, khoản 2 Điều 4 Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông (đính chính tại khoản 2, khoản 3 Điều 1 Quyết định số 901/QĐ-BTC ngày 13/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông); khoản 5 Điều 1 Thông tư số 28/2019/TT-BTC ngày 21/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông, đề nghị cơ quan soạn thảo xác định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp, đầy đủ nội dung giao thoa quyền Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định hoặc quy định, cụ thể:

- Xác định tên gọi dự thảo văn bản đảm bảo phù hợp với các nội dung quy định về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh tại điểm e, điểm g khoản 4 Điều 3; khoản 2 Điều 4 Thông tư số 01/2018/TT-BTC (đính chính tại khoản 2, khoản 3 Điều 1 Quyết định số 901/QĐ-BTC); khoản 5 Điều 1 Thông tư số 28/2019/TT-BTC đồng thời đảm bảo ngắn gọn, phản ánh khái quát nội dung chủ yếu của văn bản.

Tương tự, đề nghị sửa Điều 1 dự thảo văn bản để đảm bảo tính thống nhất của văn bản.

- Xây dựng bổ sung nội dung quy định về **sử dụng nguồn kinh phí ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương** từ nguồn thu xổ số

vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông và nguồn ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn; nội dung **quy định về mức hỗ trợ cụ thể cho lực lượng Công an tỉnh** để thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

II. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật

1. Về thẩm quyền ban hành văn bản

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; điểm e, điểm g khoản 4 Điều 3, khoản 2 Điều 4 Thông tư số 01/2018/TT-BTC (dính chính tại khoản 2, khoản 3 Điều 1 Quyết định số 901/QĐ-BTC); khoản 5 Điều 1 Thông tư số 28/2019/TT-BTC, Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Nghị quyết để quy định cụ thể một số nội dung thuộc thẩm quyền quyết định hoặc quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh được quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BTC, Thông tư số 28/2019/TT-BTC là đúng thẩm quyền.

2. Về nội dung dự thảo văn bản

a) Tại Điều 2, căn cứ khoản 2 Điều 2 Thông tư số 01/2018/TT-BTC, khoản 5 Điều 1 Thông tư số 28/2019/TT-BTC, đồng thời nhằm đảm bảo nội dung được chính xác, chặt chẽ, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu sửa như sau:

“Điều 2. Mức phân bổ kinh phí ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông

1. Phân bổ 70% tổng kinh phí ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông (sau đây viết là tổng kinh phí ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương) cho Công an tỉnh để bố trí thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông của Công an tỉnh, Công an huyện, thị xã, thành phố, Công an xã, phường, thị trấn.

2. Phân bổ 10% tổng kinh phí ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương cho Ban An toàn giao thông tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

3. Phân bổ 5% tổng kinh phí ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương cho Sở Giao thông vận tải để bố trí thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông của Thanh tra Giao thông vận tải.

4. Phân bổ 15% tổng kinh phí ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương cho Ban An toàn giao thông các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông.”

Theo đó, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa khoản 2 Điều 5 để đảm bảo tính thống nhất của dự thảo văn bản.

b) Tại Điều 3

Căn cứ điểm e khoản 4 Điều 3 Thông tư số 01/2018/TT-BTC (đính chính tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 901/QĐ-BTC), đề nghị quy định cụ thể về nội dung chi đặc thù bảo đảm trật tự an toàn giao thông của huyện, thị xã, thành phố phù hợp với thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; không quy định viện dẫn, quy định lại các nội dung chi đã được quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BTC, Thông tư số 28/2019/TT-BTC.

c) Tại Điều 4

- Căn cứ khoản 2 Điều 4 Thông tư số 01/2018/TT-BTC (đính chính tại khoản 3 Điều 1 tại Quyết định số 901/QĐ-BTC), đề nghị xây dựng các nội dung quy định về mức chi tại Điều này là quy định mức chi cụ thể, đảm bảo phù hợp với thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh (không xây dựng mức chi tối đa).

- Ở điểm a khoản 1, đề nghị nghiên cứu xây dựng nội dung theo hướng quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ đối với người bị thương, trong đó có tính đến mức độ bị thương của người làm nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông để đảm bảo nội dung được hợp lý, chặt chẽ.

- Đề nghị xem lại đối với nội dung tại khoản 2 nhằm đảm bảo xây dựng nội dung chi, mức chi phù hợp với thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 3, khoản 2 Điều 4 Thông tư số 01/2018/TT-BTC.

- Ở khoản 3, nhằm đảm bảo thống nhất với quy định tại Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 21/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ tự quản An toàn giao thông ở các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Gia Lai, đồng thời đảm bảo tính chính xác của nội dung, đề nghị sửa nội dung “*Chi hỗ trợ Tổ tự quản ATGT không hưởng lương từ ngân sách nhà nước*” thành “*Chi hỗ trợ thành viên Tổ tự quản an toàn giao thông ở xã, phường, thị trấn*”

- Ở khoản 4, khoản 5 đề nghị xây dựng nội dung đảm bảo cụ thể, chính xác, rõ ràng; trường hợp xây dựng mức chi đối với các nội dung chi quy định tại Điều 3 Thông tư số 01/2018/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 28/2019/TT-BTC), đề nghị xây dựng nội dung liên quan đến nội dung chi đảm bảo thống nhất với quy định tại Điều 3 Thông tư số 01/2018/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 28/2019/TT-BTC), đồng thời xây dựng nội dung về mức chi tương ứng với từng nội dung chi cho phù hợp.

III. Về ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo văn bản

Đề nghị cơ quan soạn thảo đối chiếu mẫu số 16 - Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định khác tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để trình bày văn bản đảm bảo đúng thể thức và kỹ thuật trình bày, như:

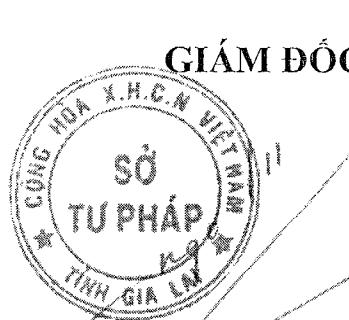
- Trình bày số, ký hiệu văn bản đúng quy định tại Điều 58 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*Từ “Số” được trình bày bằng chữ in thường, cỡ chữ 13, kiểu chữ đứng; Ký hiệu của văn bản được trình bày bằng chữ in hoa, cỡ chữ 13, kiểu chữ đứng;*);

- Trình bày nội dung dự thảo văn bản đúng quy định tại Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;
- Chính sửa một số lỗi chính tả, lỗi sử dụng dấu câu tại dự thảo văn bản;...

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo văn bản, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, hoàn chỉnh dự thảo văn bản; gửi hồ sơ về Sở Tư pháp để **thẩm định lại** nhằm đảm bảo chất lượng dự thảo văn bản tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: XD&KTVB; VT/TP.



Sở Tư pháp
Tỉnh Gia Lai
08.11.2019 09:10:43
+07:00

Lê Thị Ngọc Lam